

UNIT 6: LEARNING AND DOING

(B1 DESTINATION)

Topic vocabulary

.....	: (adj) khôn ngoan, lanh lợi, thông minh
.....	: (n) môn học, chủ thể
.....	: (adj) tài năng, có tài
.....	: (adj) thông minh
.....	: (adj) thuộc về tâm thần, thần kinh
.....	: (cụm động từ) đảm bảo
.....	: (cụm động từ) làm bài kiểm tra
.....	: (cụm động từ) tiến bộ
.....	: (n) báo cáo, ghi chép
.....	: (n) bộ não
.....	: (n) chứng chỉ, bằng cấp
.....	: (n) học kỳ, kì hạn
.....	: (n) học vị, bằng cấp
.....	: (n) khóa học
.....	: (n) kỹ năng

.....	: (n) sự hướng dẫn, kiến thức truyền dạy
.....	: (n, adj) chuyên gia, chuyên môn, thành thạo
.....	: (v) đạt được, thu được
.....	: (v) đậu, vượt qua
.....	: (v) do dự, lưỡng lự, chần chừ
.....	: (v) nhắc nhở
.....	: (v) suy nghĩ, cân nhắc
.....	: (v) tập trung
.....	: (v) thức mắc, nghĩ ngợi
.....	: (v) thất bại
.....	: (v) xem lại, duyệt lại, ôn lại
.....	: (v, n) đoán, phỏng đoán, sự phỏng đoán
.....	: (v, n) ghi điểm, điểm số
.....	: (v, n) trải nghiệm, kinh nghiệm
.....	: (v, n) xem xét, nghiên cứu, cuộc tìm kiếm

Phrasal verbs

.....	: (dùng tẩy) xóa bỏ
.....	: chỉ ra, nói với ai thông tin quan trọng

.....	: đọc to thành tiếng
.....	: gạch, gạch chéo, gạch một đường
.....	: lật ngược lại
.....	: tìm kiếm thông tin trong sách, tài liệu
.....	: viết xuống giấy
.....	: xé thành nhiều mảnh

Prepositional phrases

.....	: cho ví dụ
.....	: nhìn chung, nói chung
.....	: thật ra là, sự thật ra sao
.....	: thuộc lòng, ghi nhớ
.....	: tóm lại, tóm tắt lại
.....	: ủng hộ

Word Formation

.....	: (adj) đơn giản
.....	: (adj) dũng cảm, can đảm
.....	: (adj) đúng, chính xác

.....	: (adj) im lặng
.....	: (adj) không đúng, sai
.....	: (adv) một cách im lặng, yên tĩnh
.....	: (n) đài tưởng niệm, bia tưởng niệm
.....	: (n) điểm khởi đầu, giai đoạn khởi đầu
.....	: (n) người hướng dẫn, người chỉ bảo
.....	: (n) người mới bắt đầu, tập sự
.....	: (n) sự ám chỉ, sự nói đến, sự tham khảo
.....	: (n) sự đơn giản
.....	: (n) sự dũng cảm, lòng can đảm
.....	: (n) sự giáo dục, sự dạy dỗ
.....	: (n) sự hướng dẫn
.....	: (n) sự im lặng
.....	: (n) sự phân chia, sự chia rẽ
.....	: (n) sự sửa chữa, chỗ sửa chữa
.....	: (n) trí nhớ, ký ức
.....	: (v) bắt đầu
.....	: (v) chia, phân ra, chia rẽ
.....	: (v) đơn giản hóa
.....	: (v) ghi nhớ, ghi chép, thuộc lòng

..... : (v) giáo dục, dạy dỗ

..... : (v) hướng dẫn

..... : (v) nhắc tới, nói đến, ám chỉ

..... : V2 của 'begin'

..... : V3 của 'begin'

Word patterns

..... : (v) tiếp tục với

..... : (v) thành công trong việc gì

..... : (v) nhầm lẫn với việc gì

..... : (v) học hỏi về thứ gì

..... : (v) giúp đỡ ai đó với việc gì

..... : (v) gian lận trong việc gì

..... : (v) giải quyết

..... : (v) biết điều gì, biết việc gì

..... : (n) một ý kiến về việc gì

..... : (n) một câu hỏi về việc gì

..... : (adj) có tài làm gì, có tài năng

..... : (adj) có khả năng, có thể làm việc gì